

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VINH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 32/2017/HSST
Ngày 18 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình La
2. Bà Nguyễn Thị Nghị.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương,
tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2017/TLST-
HS ngày 27/6/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị V (tên gọi khác: L) sinh năm 1997 tại Vĩnh Phúc; Nơi
đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc;
chỗ ở: Phố TV, xã TV, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp:
Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn A và bà Đỗ Thị T; chồng: Nguyễn Văn N
- hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; con: Chưa có;
tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 08/4/2017 đến ngày
17/4/2017. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 tại Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu
thường trú: Thôn số 8, xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở: số 435, đường
ML, phường KQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; văn hóa: 12/12; nghề nghiệp:
Lao động tự do; con ông Nguyễn Khắc M và bà Nguyễn Thị L; chồng: Phùng
Đức N - hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc; con: 02
con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án:
Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1974; trú tại: Thôn VD, xã TV, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Thị V (tên gọi khác: L) và Nguyễn Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Theo tin báo của quần chúng nhân dân xã TV, huyện TD và lời khai của V thì từ khoảng cuối tháng 8 năm 2016, V bắt đầu đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề để lấy tiền sử dụng. V có hai cách ghi số lô đề. Cách 1: hàng ngày vào buổi chiều, V đến khu vực công chợ TV, huyện TD để ghi số lô, số đề cho những người đến ghi trực tiếp và nhận tiền đánh số lô đề của họ. Cách 2: sử dụng đối với người quen là các con bạc sẽ không đến trực tiếp ghi số lô đề với V mà sử dụng điện thoại di động của họ nhắn tin các số lô đề cần đánh và số tiền đến điện thoại của V có số thuê bao là 0969.924.511. V nhận được tin nhắn sẽ nhắn lại “OK” có nghĩa đã nhận số lô đề đã đánh. Việc thanh toán tiền sẽ diễn ra vào ngày hôm sau. Kết quả thắng thua căn cứ vào kết quả xổ số miền bắc quay vào hồi 18h15’ hàng ngày. Cụ thể: số lô là số các con bạc mua đối chiếu với hai con số cuối của một trong 27 giải thì con bạc được trả thưởng số lô đó. Số đề là các con bạc mua đối chiếu với 02 con số cuối cùng của giải đặc biệt thì con bạc được trả thưởng số đề đó. Nếu số lô, số đề con bạc đã mua không trùng với 02 con số cuối cùng trong tất cả các giải mở thưởng thì con bạc chịu mất số tiền đã mua lô, đề. Cách tính tiền thì 01 điểm lô 23.000 đồng (hoặc 22.500 đồng) nếu thắng được V trả 80.000 đồng; 01 số đề (số tiền tùy theo người chơi) nếu thắng được V trả 70 lần số tiền đã chơi.

Quá trình điều tra xác minh ngày 27/3/2017, V đã đánh bạc lô đề qua tin nhắn điện thoại với những người sau:

Khoảng hơn 15h ngày 27/3/2017, Nguyễn Thị T2 đã dùng số điện thoại di động 0168.647.1688 nhắn tin đánh bạc với số điện thoại V sử dụng 03 số lô là 75,14,79 mỗi số 05 điểm = 15 điểm x 22.500 đồng = 337.500 đồng. Kết quả ngày 27/3/2017, T2 đã trúng một số lô 14 được số tiền là 400.000 đồng. Tổng cộng T2 và V đã đánh bạc với nhau số tiền là 737.500 đồng. Việc thanh toán tiền với nhau đã xong vào ngày hôm sau.

Khoảng hơn 18h ngày 27/3/2017, Nguyễn Thị T đã dùng số điện thoại di động 0978.001.994 nhắn tin đánh bạc với số điện thoại V sử dụng một dàn 59 số đề gồm: 00, 01, 02, 06, 10, 11, 12, 13, 14, 18, 15, 16, 20, 21, 22, 23, 24, 26, 31, 32, 33, 35, 41, 42, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 51, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 64, 65, 66, 67, 26, 29, 92, 75, 76, 77, 79, 84, 85, 86, 87, 88, 94, 95, 97, 28, 82, mỗi số đề 50.000 đồng = 59 số x 50.000 đồng = 2.950.000 đồng. Kết quả ngày 27/3/2017, T đã trúng một số đề 58 được số tiền là 3.500.000 đồng. Tổng cộng T và V đã đánh

bạc với nhau số tiền là 2.950.000 đồng + 3.500.000 đồng = 6.450.000 đồng. Việc thanh toán tiền đã xong vào ngày hôm sau.

Ngoài ra, V còn khai nhận từ khi mới đánh bạc lô đề thì V còn đánh bạc chuyển bảng đề cho Nguyễn Quang P, trú tại tổ dân phố ĐH1, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc và Nguyễn Thị T cùng nhiều đối tượng nữa nhưng không nhớ hết, chỉ nhớ được 04 đối tượng là Đỗ Văn H, trú tại Thôn NM, xã TV, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Tô Xuân T, trú tại: Thôn LS, phường ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; Trần Đức T, trú tại: Thôn NM, xã TV, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc và Nguyễn Văn S, trú tại: Thôn C, xã DP, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Thị T còn khai nhận tin nhắn đánh bạc một lần với Lê Thị Kim N, trú tại: ngõ 2, phường NQ, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc. Do thời gian đã lâu các đối tượng trên đều không nhớ rõ thời gian và số tiền đánh bạc cụ thể nên cơ quan điều tra cũng không thu được căn cứ chứng minh nên không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Thị T2, quá trình điều tra xác định số tiền T2 sử dụng vào việc đánh bạc là 737.500 đồng. T2 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc; chưa bị kết án về tội danh đánh bạc hay tổ chức đánh bạc. Ngày 13/6/2017 Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với T2 số tiền là 350.000 đồng và truy thu số tiền có được do đánh bạc của T2 là 400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 36/KSĐT-TA ngày 26/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương đã truy tố Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h,p khoản 1 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 đối với các bị cáo. Bị cáo V áp dụng điểm l khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Nguyễn Thị V từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Nguyễn Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng

cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng từ 15 giờ đến 18 giờ ngày 27/3/2017 bị cáo T dùng số điện thoại di động 0978.001.994 nhắn tin đánh bạc với số điện thoại 0969.924.511 của bị cáo V một dàn 59 số đề, mỗi số đề 50.000 đồng. Như vậy, bị cáo V đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán số đề cho bị cáo T với số tiền là 2.950.000 đồng, số tiền T được là 3.500.000 đồng. Số tiền bị cáo V đánh bạc với bị cáo T là 6.450.000 đồng.

Cùng ngày, Nguyễn Thị T2 dùng số điện thoại di động 0168.647.1688 nhắn tin đánh bạc với số điện thoại 0969.924.511 của V 03 số lô, mỗi số 05 điểm. Như vậy, bị cáo V đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô cho T2 với số tiền là 337.500 đồng, số tiền T2 được là 400.000 đồng. Số tiền bị cáo V đánh bạc với T2 là 737.500 đồng.

Tổng số tiền bị cáo V đánh bạc với bị cáo T và Nguyễn Thị T2 là 7.187.500 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo V và bị cáo T phạm tội “Đánh bạc” theo quy định khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo V và bị cáo T không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,p khoản 1 Điều 46; bị cáo V phạm tội khi đang có thai nên áp dụng điểm l khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Bị cáo V hiện đang có thai, bị cáo T đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi hiện chồng bị cáo đang bị tạm giam về một tội phạm khác. Vì vậy, có căn cứ cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có đủ điều kiện để cho các bị cáo cải tạo thành người công dân có ý thức chấp hành pháp luật.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Cụ thể phạt bị cáo V 3.500.000 đồng và bị cáo T 3.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị T2 đã tham gia đánh bạc với số tiền là 737.500 đồng. Ngày 13/6/2017 Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền và truy thu số tiền có được do đánh bạc của T2 là phù hợp.

Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Iphone 6 của bị cáo V và 01 điện thoại Iphone 7 Plus của bị cáo T đã sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại để sung quỹ nhà nước.

Đối với 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Iphone 4, số IMEI 013535002987147; 01 điện thoại di động SamSung Galaxy S7, số IMEI (1) 357224070250845, số IMEI (2) 357225070250842 của Nguyễn Quang P, cơ quan điều tra đã trả lại nên không xem xét.

Đối với 02 quyển sổ ghi chép tại nơi ở của bị cáo V, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 3.287.500 đồng của bị cáo V và 3.500.000 đồng của bị cáo T là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị V (tên gọi khác: L) và Nguyễn Thị T phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng: khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm h,p,l khoản 1 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị V (tên gọi khác: L) 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ

thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị V cho Ủy ban nhân dân xã ĐT, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bị cáo V số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng: khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm h,p khoản 1 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã KL, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bị cáo T số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về khoản tiền truy thu: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Bị cáo V phải nộp số tiền 3.287.500đ (*Ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo T phải nộp số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi thi hành xong khoản tiền truy thu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng:

Áp dụng điều 41 của Bộ luật hình sự; điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước:

01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, số IMEI 352050073417643, của Nguyễn Thị V.

01 điện thoại di động dạng Iphone 7 Plus, màu trắng xám, đã được niêm phong của Nguyễn Thị T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 16/6/2017)

Tịch thu tiêu hủy:

01 quyển sổ bên ngoài ghi “Sổ chuyên đi cho c T” gồm 08 tờ có chữ ký của Nguyễn Thị V.

01 quyển sổ bên ngoài ghi “Sổ ghi chép” gồm 14 tờ có chữ ký của Nguyễn Thị V.

4. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình La Nguyễn Thị Nghị

Nguyễn Thị Thanh Hoài